TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 07/2024/DS-GĐT
Ngày: 27/01/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào và Ông Đặng Kim Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; địa chỉ trụ sở: số A T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Thanh T – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Q.

2. *Bị đơn*: bà Hoàng Thị L; địa chỉ: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Hoàng Văn B; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày:

Từ năm 2016-2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần N-Chi nhánh Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bà Hoàng Thị L ký 04 Hợp đồng tín dụng, gồm: Hợp đồng

tín dụng số 52/2016/NHNT ngày 14/3/2016, vay số tiền 500.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 148/2016/NHNT ngày 16/9/2016, vay số tiền 700.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 31/2017/CB.QB ngày 11/4/2017, vay số tiền 200.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 07/2017/NCB.QB ngày 25/01/2018, vay số tiền 99.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 1.499.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở thửa đất số 414, tờ bản đồ số 4, diện tích 58m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho ông Hoàng Văn B, bà Hoàng Thị L ngày 24/11/2010 và quyền sử dụng thửa đất số 259, tờ bản đồ số 4, diện tích 103m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho bà Hoàng Thị L ngày 20/10/1996 theo Hợp đồng thế chấp số 601/2015/VCB.QB ngày 17 tháng 11 năm 2015; phụ lục, sửa đổi bổ sung số 601.01/2017/PLHĐ ngày 11/4/2017 và Hợp đồng thế chấp số 52/2016/VCB.QB ngày 14 tháng 3 năm 2016. Quá trình vay tiền, do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền 1.216.775.000 đồng; trong đó nợ gốc 1.030.000.000 đồng, nợ lãi 186.775.000 đồng (tạm tính đến ngày 25/6/2020).

Bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận có ký kết 04 Hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, quá trình vay tiền bà L đã trả tiền gốc và tiền lãi nhiều lần cho Ngân hàng. Tính đến ngày 24/4/2019, B1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 68.452.000 đồng và tiền lãi là 38.452.000 đồng nhưng do chồng B1 là ông Hoàng Văn B đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc nên không có điều kiện trả nợ vì vậy Bà yêu cầu Ngân hàng giảm tiền lãi và xin trả dần số tiền gốc cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 26/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N về việc yêu cầu bà Hoàng Thị L phải trả nợ gốc và nợ lãi theo bốn hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 1.216.775.000 đồng (trong đó tiền gốc 1.030.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 174.302.758 đồng, lãi phạt 12.472.415 đồng) tại các hợp đồng tín dụng số 148/2016/NHNT ngày 16/9/2016; 52/2016/NHNT ngày 14/3/2016; số 07/2018/NHNT ngày 25/01/2018; số 31/2017/NHNT ngày 11/4/2017 đã kỷ kết giữa bà Hoàng Thị L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

3. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nhà ở tại thửa đất số 414, tờ bản đồ số 4 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 4 thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình đã được ký kết tại Hợp đồng số

601/2015/VCB.QB ngày 17 tháng 11 năm 2015 được phụ lục, sửa đổi bổ sung số 601.01/2017/PLHĐ ngày 11/4/2017; Hợp đồng số 52/2016/VCB.QB ngày 14 tháng 3 năm 2016 giữa bà Hoàng Thị L, ông Hoàng Văn B và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N để trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Trường hợp bà Hoàng Thị L không trả hết nợ và lãi thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp này để thu nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/7/2023, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình có văn bản kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định Kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS ngày 14/12/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 06/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 23/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (bút lục 173-176), thể hiện: theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 919773 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 24/11/2010 đứng tên ông Hoàng Văn B, bà Hoàng Thị L thì thửa đất số 414, tờ bản đồ 4, diện tích đất là 58m^2, nhưng thực tế căn nhà 02 tầng được xây dựng trên diện tích 88m^2 đất, tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 30m^2. Đối với thửa đất 259, tờ bản đồ số 4, diện tích 103m^2 đất không xác minh được thửa đất nằm ở vị trí nào tại thôn V; xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

[2]. Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 03/03/2023 (bút lục 179-180), bà Hoàng Thị L trình bày: đề nghị xử lý thửa đất số 414, tờ bản đồ 4 để trả một phần nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; đối với thửa 259, tờ bản đồ số 4, diện tích 103m^2 đất hiện bà L không biết ở vị trí nào vì Bà bị bà Hoàng Thị H lừa làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng.

[3]. Tại Công văn số 457/CN-VPĐKĐĐ ngày 01/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B (bút lục 185) thể hiện: qua rà soát không có sổ sách và tài liệu nào thể hiện Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 4 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cho bà Hoàng Thị L.

[4]. Như vậy, thửa đất số 414, tờ bản đồ 4, diện tích đất là 58m^2, nhưng thực tế căn nhà 02 tầng được xây dựng trên diện tích đất 88m^2, tăng so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 30m^2. Đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 4, diện tích 103m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/10/1996 tọa lạc tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình không được Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Hoàng Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nên dẫn đến việc xử lý tài sản thế chấp không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và khó khăn cho việc thi hành án.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS ngày 14/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với phần tài sản thế chấp để giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật; các phần khác còn lại của quyết định Bản án sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345, Điều 348, Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS ngày 14/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Hủy một phần quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, có nội dung: "*3. Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nhà ở tại thửa đất số 414, tờ bản đồ số 4 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 4 thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình đã được ký kết tại Hợp đồng số 601/2015/VCB.QB ngày 17 tháng 11 năm 2015 được phụ lục, sửa đổi bổ sung số 601.01/2017/PLHĐ ngày 11/4/2017; Hợp đồng số 52/2016/VCB.QB ngày 14 tháng 3 năm 2016 giữa bà Hoàng Thị L, ông Hoàng Văn B và Ngân hàng Thương mại Cổ phần N để trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Trường hợp bà Hoàng Thị L không trả hết nợ và lãi thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp này để thu nợ.*"

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không bị hủy tiếp tục có hiệu lực thi hành.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng ;
- TAND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng LT; Phòng GĐKT II và HSVA.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn